

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Sìn Hồ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sìn Hồ

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021, số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022, số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023, số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 và số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 về chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Sìn Hồ; số 2415/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sìn Hồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1334/TTr-STNMT ngày 29/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng công trình, dự án trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Sin Hồ và cập nhật vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sin Hồ đối với 37 công trình, dự án, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích đối với 14 công trình, dự án.
2. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích đối với 12 công trình, dự án.
3. Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích đối với 05 công trình, dự án.
4. Điều chỉnh tăng về số lượng đối với 06 công trình, dự án.

(Có biểu chi tiết của các công trình, dự án kèm theo)

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Sin Hồ
 - a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.
 - b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.
2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.
3. Sở Tài nguyên và Môi trường
 - a) Hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
 - b) Tham mưu việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

4. Chủ đầu tư các công trình, dự án có trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện công trình, dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V3, CB (đăng tin);
- Lưu: VT, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH VỀ QUY MÔ ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021 – 2030 HUYỆN SÌN HỒ VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN SÌN HỒ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của UBND tỉnh Lai Châu)

| STT | Tên dự án | Địa điểm thực hiện | Loại đất theo hiện trạng (ha) | Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt | | Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung | | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|---|--|--------------------------------|---|---|----------------------|-----------------------------------|----------------------|--|------------------------------|
| | | | | Diện tích (ha) | Loại đất (ha) | Tổng cộng | Loại đất | | |
| I Điều chỉnh về quy mô, địa điểm tăng diện tích (14) | | | | | | | | | |
| 1 | Đường đến bản Tia Khí, xã Tủa Sìn Chải, huyện Sìn Hồ | Các xã: Chăn Nưa, Tủa Sìn Chải | Đất giao thông (DGT) 1,60; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,0; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,60; đất thủy lợi (DTL) 1,60; đất sông suối (SON) 1,60; đất chưa sử dụng (DCS) 3,20; đất ở tại nông thôn (ONT) 1,60; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 1,60; đất rừng sản xuất (RSX) 1,60; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,60. | 3,5 | Đất giao thông (DGT) | 18,0 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sìn Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 2 | Đường xuống bến Huổi Lá, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ | Xã Nậm Hăn | Đất giao thông (DGT) 0,17; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,15; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,01; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,14; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,03; đất thủy lợi (DTL) 0,1; đất sông suối (SON) 0,03; đất chưa sử dụng (CSD) 0,11. | 0,68 | Đất giao thông (DGT) | 0,74 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sìn Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 3 | Đường TT xã đến bản Hồng Ngải (đi qua đường nối QL 12), xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ | Xã Pa Khóa | Đất giao thông (DGT) 0,1; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,03; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,09; đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) 0,21; đất thủy lợi (DTL) 0,05; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,06; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,2. | 0,52 | Đất giao thông (DGT) | 0,94 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sìn Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |

| | | | | | | | | | |
|---|---|-------------------------------|--|-------|---------------------------|-------|---------------------------|--|---|
| 4 | Nâng cấp đường Nậm Há - Nậm Béo, xã Pu Sam Cáp, huyện Sin Hồ | Các xã: Pu Sam Cáp, Noong Hèo | Đất giao thông (DGT) 2,5; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,5; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,02; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,5; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,72; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,0; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,5; đất rừng sản xuất (RSX) 0,09; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,09; đất thủy lợi (DTL) 0,2; đất chưa sử dụng (CSD) 5,0; đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) 0,01; đất sông, suối (SON) 0,01. | 13,92 | Đất giao thông (DGT) | 16,14 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 5 | Đường từ Nậm Ngập đến Seo Phin, xã Nậm Cha, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Cha | Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,4; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,3; đất trồng cây lâu năm (CLN) 1,02; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 3,3; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,0; đất giao thông (DGT) 1,2; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,08; đất rừng sản xuất (RSX) 0,8; đất thủy lợi (DTL) 0,1; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,1. | 8,1 | Đất giao thông (DGT) | 8,4 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án. |
| 6 | Cầu treo Na Sái - Nậm Há, xã Noong Hèo, huyện Sin Hồ | Xã Noong Hèo | Đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,1; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,24; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,2; đất giao thông (DGT) 0,05; đất sông suối (SON) 0,2; đất chưa sử dụng (CSD) 0,25; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,02; đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) 0,01; đất thủy lợi (DTL) 0,02; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,01. | 1,04 | Đất giao thông (DGT) | 1,1 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 7 | Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư bản Huổi Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Hăn | Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,1; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,85; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,8; đất giao thông (DGT) 0,7; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,45; đất thủy lợi (DTL) 0,6; đất chưa sử dụng (CSD) 0,6; đất sông suối (SON) 0,2; đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,5; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,1. | 5,3 | Đất ở tại nông thôn (ONT) | 6,9 | Đất ở tại nông thôn (ONT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |

| | | | | | | | | | |
|----|--|--|---|-------|----------------------|--------|----------------------|--|------------------------------|
| 8 | Đường từ bản Nậm Tân Mông 1 đến bản Lòg Thàng, xã Pa Tân, huyện Sin Hồ | Xã Pa Tân | Đất giao thông (DGT) 10,0; đất chưa sử dụng (DCS) 9,7; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,15; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,15; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,05; đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) 0,02; đất công trình năng lượng (DNL) 0,01; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,02; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 4,0; đất rừng phòng hộ (RPH) 2,1; đất rừng sản xuất (RSX) 1,6; đất sông, suối (SON) 0,3. | 20,0 | Đất giao thông (DGT) | 28,1 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 9 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm tái định cư các xã: Nậm Cha, Nậm Mạ, Nậm Hăn, Nậm Tăm, huyện Sin Hồ | Các xã: Nậm Cha, Nậm Mạ, Nậm Hăn, Nậm Tăm | Đất ở tại nông thôn (ONT) 10,0; đất giao thông (DGT) 63,53; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 1,33; đất trồng lúa còn lại (LUK) 0,31; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 14,85; đất trồng cây lâu năm khác (CLN) 2,6; đất thủy lợi (DTL) 2,46; đất chưa sử dụng (DCS) 3,93; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,025; đất sông, suối (SON) 0,091; đất rừng sản xuất (RSX) 0,234; đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) 0,02; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 9,581. | 80,58 | Đất giao thông (DGT) | 108,96 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 10 | Đường nội đồng Sáng Tùng - Nậm Khăm, xã Tà Ngáo, huyện Sin Hồ | Xã Tà Ngáo | Đất giao thông (DGT) 2; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,3; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,0; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,2; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,3; đất thủy lợi (DTL) 0,2; đất sông suối (SON) 0,1; đất chưa sử dụng (CSD) 0,61; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,01. | 6,2 | Đất giao thông (DGT) | 6,72 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 11 | Đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình giao thông thuộc các khu, điểm TĐC các xã: Căn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Cuối, huyện Sin Hồ; các xã Lê Lợi, | Các xã: Căn Co, Lũng Thàng, Pa Khóa, Noong Hèo, Nậm Cuối | Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 11,50; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,60; đất giao thông (DGT) 10,9; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 3,0; đất trồng cây lâu năm (CLN) 2,3; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,8; đất thủy lợi (DTL) 0,4; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,1; đất sông, suối (SON) 0,05. | 12,5 | Đất giao thông (DGT) | 30,65 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |

| | | | | | | | | | |
|----|--|---------------|---|------|-------------------|------|-------------------|--|------------------------------|
| | Nậm Hàng, Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn; thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường; thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ | | | | | | | | |
| 12 | Trụ sở làm việc công an xã Căn Co | Xã Căn Co | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,24. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,24 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 13 | Trụ sở làm việc công an xã Làng Mô | Xã Làng Mô | Đất đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,18. | 0,12 | Đất an ninh (CAN) | 0,18 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 14 | Trụ sở làm việc công an xã Lùng Thàng | Xã Lùng Thàng | Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,24. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,24 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |

| II | | Điều chỉnh về quy mô, địa điểm giảm diện tích dự án, công trình (12) | | | | | | | |
|----|--|--|--|-------|----------------------|-------|----------------------|--|---|
| 1 | Đường Nậm Tăm - Nậm Khăn (Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản) | Các xã: Nậm Tăm, Nậm Cha, Tả Ngảo | Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,84; đất trồng cây lâu năm (CLN) 2,80; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,25; đất giao thông (DGT) 5,25; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,60; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,77; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,15; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,21; đất rừng sản xuất (RSX) 0,70; đất thủy lợi (DTL) 0,28; đất sông suối (SON) 0,42. | 16,30 | Đất giao thông (DGT) | 15,27 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128 | Các xã: Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Làng Mố và thị trấn Sin Hồ | Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 2,40; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 4,50; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 10,50; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,03; đất rừng sản xuất (RSX) 1,34; đất rừng phòng hộ (RPH) 4,00; đất công trình bưu chính viễn thông (DBV) 0,01; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 1,02; đất ở tại nông thôn (ONT) 1,05; đất ở tại đô thị (ODT) 0,15; đất xây dựng cơ sở giáo dục (DGD) 0,02; đất giao thông (DGT) 7,45; đất thủy lợi (DTL) 0,42; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 0,23; đất sông suối (SON) 0,17; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,07; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 4,17; đất xây dựng cơ sở văn hóa (DVH) 0,01. | 52,96 | Đất giao thông (DGT) | 37,54 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô giảm chiều dài toàn tuyến |
| 3 | Trụ sở làm việc công an xã Nậm Cuối | Xã Nậm Cuối | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,16. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,16 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 4 | Trụ sở làm việc công an xã Chăn Nưa | Xã Chăn Nưa | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,11. | 0,12 | Đất an ninh (CAN) | 0,11 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr- | Điều chỉnh quy mô, vị trí |

| | | | | | | | | | |
|---|---|-----------------|--|------|-------------------|------|-------------------|--|---------------------------|
| | | | | | | | | UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | |
| 5 | Trụ sở làm việc công an xã Hồng Thu | Xã Hồng Thu | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,19. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,19 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 6 | Trụ sở làm việc công an xã Pu Sam Cáp | Xã Pu Sam Cáp | Đất trồng lúa nước còn lại (LUC) 0,04; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,03. | 0,12 | Đất an ninh (CAN) | 0,11 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 7 | Trụ sở làm việc công an xã Phìn Hồ | Xã Phìn Hồ | Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,19. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,19 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 8 | Trụ sở làm việc công an xã Phăng Sô Lin | Xã Phăng Sô Lin | Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,03; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,03; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,08. | 0,20 | Đất an ninh (CAN) | 0,14 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |

| | | | | | | | | | |
|------------|--|---------------------------|---|---------|---------------------------------|--------|---------------------------------|--|---|
| 9 | Trụ sở làm việc công an xã Sà Dề Phìn | Xã Sà Dề Phìn | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,24. | 0,25 | Đất an ninh (CAN) | 0,24 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 10 | Trụ sở làm việc công an xã Nậm Hãn | Xã Nậm Hãn | Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,12; đất ở nông thôn (0,07) | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | 0,19 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 386/CAT-PH10 ngày 24/01/2024 của Công an tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở công an Nậm Hãn. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, vị trí |
| 11 | Thủy điện Nậm Chân 1 | Các xã: Tả Ngáo, Làng Mồ | Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,08; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,29; đất rừng phòng hộ (RPH) 9,10; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,65; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01; đất sông suối (SON) 0,08; đất giao thông (DGT) 0,03; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,08; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 2,77. | 15,71 | Đất công trình năng lượng (DNL) | 15,09 | Đất công trình năng lượng (DNL) | - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| 12 | Đầu tư phát triển cây mắc ca tại các xã Nậm Cuối, Nậm Hãn, huyện Sin Hồ, tỉnh Lai Châu | Các xã: Nậm Cuối, Nậm Hãn | Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 125,0; đất giao thông (DGT) 0,10; đất chưa sử dụng (DCS) 861,14; đất sông suối (SON) 5,50. | 1.534,8 | Đất rừng sản xuất (RSX) | 991,74 | Đất rừng sản xuất (RSX) | - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh quy mô, ranh giới |
| III | Điều chỉnh về quy mô, địa điểm nhưng không thay đổi về diện tích (05) | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Hay xã Nậm Hãn, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Hãn | Đất giao thông (DGT) 0,02; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,01; đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,05; đất thủy lợi (DTL) 0,02; đất sông suối (SON) 0,02; đất chưa sử dụng (DCS) 0,04; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,02; đất rừng sản xuất (RSX) 0,02. | 0,2 | Đất thủy lợi (DTL) | 0,2 | Đất thủy lợi (DTL) | Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. | Điều chỉnh ranh giới, chi tiết loại đất |

| | | | | | | | | | |
|-----------|---|---------------|---|------|-------------------------------|------|-------------------------------|--|---|
| 2 | Trụ sở làm việc công an xã Nậm Mạ | Xã Nậm Mạ | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,2. | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 4934/CAT-PH10 ngày 28/9/2023 về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án trụ sở Công an các xã. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh vị trí |
| 3 | Trụ sở làm việc công an xã Tả Phìn | Xã Tả Phìn | Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,14; đất chưa sử dụng (DCS) 0,06. | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 5982/CAT-PH10 ngày 13/11/2023 của Công an tỉnh Lai Châu về việc điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh vị trí |
| 4 | Cửa hàng xăng dầu Xã Sà Dề Phìn | Xã Sà Dề Phìn | Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,06. | 0,06 | Đất thương mại, dịch vụ (TMD) | 0,06 | Đất thương mại, dịch vụ (TMD) | - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh ranh giới, chi tiết loại đất |
| 5 | Trụ sở làm việc công an xã Ma Quai | Xã Ma Quai | Đất trồng cây hàng năm khác (HNK) 0,2. | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | 0,2 | Đất an ninh (CAN) | - Công văn số 1478/CAT-PH10 ngày 15/3/2024 của Công an tỉnh Lai Châu về việc đề nghị điều chỉnh quy mô, vị trí thực hiện dự án. - Tờ trình số 1162/TTr-UBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Sin Hồ. | Điều chỉnh vị trí, giữ nguyên diện tích |
| IV | Điều chỉnh tăng về số lượng công trình, dự án (06) | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp đường từ bản Hắt Hơ - QL12 xã Sà Dề Phìn, huyện Sin Hồ | Xã Sà Dề Phìn | Đất giao thông (DGT) 0,55; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 1,0; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,55; đất thủy lợi (DTL) 0,55; đất sông suối (SON) 0,55; đất chưa sử dụng (DCS) 1,10; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,55; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,55; đất rừng sản xuất (RSX) 0,55; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,55. | | | 6,5 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. | Điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. |

| | | | | | | | | | |
|---|---|--|--|------|---------------------------------|------|---------------------------------|---|---|
| 2 | Kiên cố hóa đường đến trung tâm xã Căn Co, Nậm Cuối, huyện Sin Hồ | Các xã: Căn Co, Nậm Cuối | Đất giao thông (DGT) 0,42; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,50; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,42; đất thủy lợi (DTL) 0,42; đất sông suối (SON) 0,42; đất chưa sử dụng (DCS) 0,84; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,42; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,42; đất rừng sản xuất (RSX) 0,42; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,42. | | | 4,7 | Đất giao thông (DGT) | Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. | Điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. |
| 3 | Thủy lợi bản Pá Pha - Hua Pha, xã Nậm Hăn, huyện Sin Hồ | Xã Nậm Hăn | Đất giao thông (DGT) 0,02; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,02; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,02; đất thủy lợi (DTL) 0,02; đất sông suối (SON) 0,01; đất chưa sử dụng (DCS) 0,04; đất nuôi trồng thủy sản (NTS) 0,01; đất rừng sản xuất (RSX) 0,02. | | | 0,16 | Đất thủy lợi (DTL) | - Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh. | Điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. |
| 4 | Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông tại Km41+800, ĐT.129 huyện Sin Hồ | Xã Hồng Thu | Đất giao thông (DGT) 0,29; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,22; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,21 | | | 0,72 | Đất giao thông (DGT) | - Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh | Điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện. |
| 5 | Thủy điện Nậm Cừ 1 | Các xã: Phìn Hồ, Ma Quai, Lùng Thàng, Phăng Sô Lin | Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,05 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,55; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,17; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,09; đất rừng sản xuất (RSX) 0,94; đất rừng phòng hộ (RPH) 2,96; đất sông suối (SON) 0,24; đất chưa sử dụng (DCS) 0,40; đất giao thông (DGT) 0,03. | 6,52 | Đất công trình năng lượng (DNL) | 5,43 | Đất công trình năng lượng (DNL) | - Quyết định số 2679/QĐ-BCT ngày 15/10/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. | Điều chỉnh số lượng dự án. |
| 6 | Thủy điện Nậm Cừ 2 | Các xã: Ma Quai, Lùng Thàng | Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,38; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,23; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,24; đất rừng sản xuất (RSX) 3,19; đất chưa sử dụng (DCS) 0,42; đất sông suối (SON) 0,16 ha. | | | 4,62 | Đất công trình năng lượng (DNL) | - Quyết định số 2679/QĐ-BCT ngày 15/10/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. | Điều chỉnh số lượng dự án. |

